

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-PT

Ngày 08-02-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Bà Phan Thị Mai Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Tâm, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 326/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982 và ông Trần Văn Th, sinh năm 1989; cư trú tại: Số 132, tổ 5, đường 789, ấp BN, xã ĐT thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Minh P, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ 12, ấp BB, xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh P: Ông Nguyễn Thanh H, Luật sư của Văn phòng luật sư TH, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người kháng cáo: Anh Đỗ Minh P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị - Nguyễn Thanh T, anh Trần Văn Th thống nhất trình bày:

Ngày 30-01-2019, vợ chồng chị có cho anh P vay số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, thời hạn 01 tháng. Khi vay tiền, anh P có viết và ký tên vào giấy nhận nợ và giao cho vợ chồng chị Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03765 ngày 09-09-2010 do anh P đứng tên để làm tin. Nhưng đến hạn anh P chỉ trả được 02 lần tiền lãi số tiền 7.000.000 đồng thì không tiếp tục trả nữa. Chị đã đòi nhiều lần nhưng anh P vẫn không trả.

Nay chị T, anh Th yêu cầu anh P trả nợ gốc 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị T đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh P.

- Bị đơn - anh Đỗ Minh P trình bày:

Anh không vay tiền của vợ chồng chị T, anh Th vào ngày 30/01/2019 mà anh chỉ ghi giấy nhận nợ. Anh viết giấy này là vì trước đây anh và chị T cùng hùn vốn để nhận chuyển nhượng đất. Khi hùn vốn chưa chuyển nhượng được đất thì chị T kêu anh ghi cho chị T giấy nợ để về báo lại với gia đình. Do là bạn bè nên anh đồng ý ghi và ký giấy nhận nợ chị T 300.000.000 đồng và giao chị T giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh đứng tên để làm tin.

Anh không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời yêu cầu vợ chồng chị T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03765 ngày 09-09-2010 do anh đứng tên.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T, anh Trần Văn Th đối với anh Đỗ Minh P.

Buộc anh Đỗ Minh P phải trả cho chị Nguyễn Thanh T, anh Trần Văn Th số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Ghi nhận chị T, anh Th không yêu cầu tính lãi.

Buộc chị Nguyễn Thanh T, anh Trần Văn Th phải trả lại cho anh Đỗ Minh P Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03765 do Ủy ban nhân dân huyện TB cấp cho anh Đỗ Minh P đứng tên ngày 09/09/2010.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 12-10-2020, anh Đỗ Minh P kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì số tiền 300.000.000 đồng anh không vay tiền của chị T, anh Th; việc anh viết và ký giấy nhận nợ mục đích làm tin.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do lời khai của nguyên đơn có mâu thuẫn, cấp sơ thẩm chưa làm rõ chứng cứ là “giấy tính tiền” do chị T viết.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Anh P kháng cáo cho rằng không có việc chị T cho anh vay số tiền 300.000.000 đồng mà mục đích anh viết giấy nhận nợ và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh đứng tên cho chị T giữ là để làm tin vì giữa anh và chị T cùng hùn vốn với nhau để nhận chuyển nhượng đất kiếm lời.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh P và vợ chồng chị T, anh Th đều thừa nhận giữa hai bên có hùn vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất; việc hùn vốn đã chấm dứt, chị T tính toán lời, lỗ viết ra giấy (sau đây gọi tắt là giấy tính tiền) và chụp hình gửi cho anh P qua tin nhắn Zalo, trong đó thể hiện tổng số tiền anh P còn nợ chị T là 219.000.000 đồng.

[3] Vợ chồng chị T, anh Th cho rằng số tiền 219.000.000 đồng nêu trên không liên quan đến khoản vay 300.000.000 đồng như anh P trình bày, nhưng quá trình thu thập chứng cứ và lời thừa nhận của chị T, anh Th đã thể hiện: Khoản tiền hùn vốn ban đầu chị T vay từ mẹ ruột là 250.000.000 đồng không làm biên nhận, hai bên dùng số tiền này để đặt cọc chuyển nhượng đất và bị mất cọc, việc hùn vốn không lập văn bản gì. Anh P cho rằng sau khi thua lỗ mất cọc, chị T yêu cầu anh P viết giấy nợ để làm tin cho mẹ chị T; xét thấy: Tuy chị T không thừa nhận vấn đề này nhưng chị T xác nhận có viết “giấy tính tiền” gửi

cho anh P và việc gửi giấy này diễn ra trước khi chị cho anh P vay số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi gửi tin nhắn, anh P không thừa nhận số tiền 219.000.000 đồng và chị không liên lạc được với anh P. Do đó, việc chị T tiếp tục cho anh P vay số tiền 300.000.000 đồng là không phù hợp với thực tế, lời trình bày của anh P có cơ sở.

[4] Mặt khác, theo nội dung “giấy tính tiền” vừa có thể hiện việc hùn vốn, vừa thể hiện tiền vay là 110.000.000 đồng nhưng không thể hiện khoản vay 300.000.000 đồng, trong khi chính chị T xác nhận ngoài khoản vay 300.000.000 đồng, anh P không vay khoản nào khác, lời khai này của chị T mâu thuẫn với chứng cứ “giấy tính tiền” do chị T viết. Tại phiên tòa, vợ chồng chị T, anh Th cũng cam kết sẽ không đòi anh P số tiền 219.000.000 đồng.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định hợp đồng vay tiền ngày 30-01-2019 số tiền vay 300.000.000 đồng giữa anh P và vợ chồng chị T, anh Th là hợp đồng giả tạo, che giấu giao dịch hùn vốn và giao dịch vay tiền khác giữa hai bên, nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự. Xét giao dịch hùn vốn giữa hai bên thấy rằng, việc hùn vốn không bắt buộc lập thành văn bản và đã được hai bên thừa nhận, đây là chứng cứ không phải chứng minh quy định tại Điều 90 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, giao dịch này có hiệu lực pháp luật.

[6] Anh P thống nhất với nội dung “giấy tính tiền” về số tiền còn nợ chị T là 110.000.000 đồng và các khoản khác, riêng đối với khoản tiền hùn vốn thể hiện nội dung “tiền mất cọc chia 2 đũa”, anh P cho rằng phải chia 3 phần, anh chỉ chịu trách nhiệm trả lại cho chị T 83.000.000 đồng, số tiền vay và tiền hùn vốn anh P chỉ thừa nhận là 135.000.000 đồng nhưng anh P không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này. Hai bên không thống nhất về thời điểm viết “giấy tính tiền”, do đó xác định thời điểm anh P vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày thụ lý vụ án. Tiền lãi chậm trả của số tiền 219.000.000 đồng là $219.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng}$ (lãi suất 10%/năm) $\times 3$ tháng 22 ngày tháng (08-6-2020 đến 30-9-2020) = 6.786.000 đồng, tổng cộng 225.786.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh P đồng ý thanh toán cho chị T số tiền 250.000.000 đồng, nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh P.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện các tình tiết, sự kiện trong vụ án, buộc anh P trả cho vợ chồng anh Th, chị T số tiền 300.000.000 đồng là không có căn cứ. Cần sửa bản án sơ thẩm như nhận định nêu trên, không cần thiết hủy bản án sơ thẩm như quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho

bị đơn, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

[8] Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên buộc anh Th, chị T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh P nhưng ấn định thời gian trả sau khi anh P trả tiền cho anh Th, chị T là không đúng với quy định của pháp luật, cần sửa án về phần này.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải chịu 5% của số tiền 250.000.000 đồng là nghĩa vụ phải thực hiện; vợ chồng anh Th, chị T phải chịu 5% của số tiền 50.000.000 đồng là yêu cầu không chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh P được chấp nhận, sửa án sơ thẩm nên anh P không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 124, 357, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Minh P.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T, anh Trần Văn Th đối với anh Đỗ Minh P về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Ghi nhận anh Đỗ Minh P trả cho chị Nguyễn Thanh T, anh Trần Văn Th số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Buộc chị Nguyễn Thanh T, anh Trần Văn Th trả lại cho anh Đỗ Minh P Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03765 do Ủy ban nhân dân huyện TB cấp cho anh Đỗ Minh P đứng tên ngày 09/09/2010.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Minh P phải chịu 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Vợ chồng chị Nguyễn Thanh T, anh Trần Văn Th phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp số tiền 8.580.000 đồng theo Biên lai thu

tiền số 0018268 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB, anh Th, chị T được trả lại số tiền 6.080.000 (sáu triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Minh P được trả lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0014655 ngày 12-10-2020 của Chi cục Thi hành án thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND thị xã TB;
- Chi cục THADS thị xã TB;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai

